

Bản án số: 60 /2019/ HSST
Ngày: 26/11/ 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương và bà Phạm Thị Mai.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/ 2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên bị cáo: Trần Văn Y - Sinh năm 1994; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 19, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Phạm Thị T ; vợ, con: Chưa có; tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Họ và tên bị cáo: Phạm Văn D - Sinh năm 1997, nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 11, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (hiện bị tâm thần) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự : - Ngày 16/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh ra quyết định số 05 đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng.

- Ngày 13/7/2019, Chủ tịch UBND xã Khánh T ra quyết định số 02 đưa vào diện giáo dục tại xã, phường.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Họ và tên bị cáo: Phạm Văn D1 - Sinh năm 1996, nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 7, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tr (bị cầm điếu bẩm sinh) và bà Phạm Thị M (hiện đang bị tai biến); vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 27/4/2018, Công an huyện Yên Khánh xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; đều trú tại: Xóm 19, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Người đại diện hợp pháp của anh Đỗ Văn D:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974- Là người đại diện theo ủy quyền; trú tại: Xóm 19, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn D2; sinh năm 1989; trú tại: Xóm 5 B, xã Lưu P, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01/8/2019, Trần Văn Y đi bộ qua nhà chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974 (cùng xóm với Y), phát hiện nhà chị Đ không có ai ở nhà, Y trèo qua tường rào vào mục đích trộm cắp tài sản, Y mở cửa (cửa khép không khóa) vào trong buồng ngủ nhà chị Đ có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu TOSHIBA đang sạc trên bàn, Y đã lấy chiếc máy tính mang ra ngoài. Ra đến đường Trần Văn Y gặp Phạm Văn D là bạn của Y, Y đến nói với D “có mỗi cái laptop thôi, bán rồi đi chơi”. Phạm Văn D hiểu và biết rõ Trần Văn Y vừa trộm cắp được tài sản này và đồng ý đi tiêu thụ cùng Y. Sau đó D điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát chở Trần Văn Y đi về hướng huyện Kim Sơn để tìm nơi tiêu thụ. Khi đến tới ngã ba Quy Hậu thuộc huyện Kim Sơn, D dừng xe lại bảo Trần Văn Y xuống xe đứng chờ. Phạm Văn D điều khiển xe mô tô về xã Khánh T, huyện Yên Khánh đón Phạm Văn D1. Trên đường đi, D nói với D1 về việc Trần Văn Y vừa trộm được 01 cái máy tính xách tay. Phạm Văn D chở Phạm Văn D1 đến gặp Y, cả ba đã bàn nhau mang máy tính xách tay mà Trần Văn Y trộm cắp được mang đi bán để lấy tiền tiêu xài.

Trần Văn Y, Phạm Văn D, Phạm Văn D1 đã mang máy tính xách tay đến của hàng laptop Minh D ở xã Lưu P, huyện Kim Sơn để bán nhưng chưa bán được, sau đó Phạm Văn D1 mang máy tính cầm cố cho một người bạn của D1 tên L (không xác định được địa chỉ cụ thể) gần ngã ba Quy Hậu lấy 500.000 đồng rồi cả 3 sử dụng hết số tiền này. Khoảng 15 giờ ngày 02/8/2019, Phạm Văn D1, Trần Văn Y đã lấy lại chiếc máy xách tay rồi mang đến của hàng laptop Minh D ở xã Lưu P, huyện Kim Sơn gặp anh Nguyễn Văn D bán được 1.600.000 đồng. Phạm Văn D1 đã mang trả

cho người tên L 500.000 đồng, số còn lại Trần Văn Y và Phạm Văn D1 đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 4/9/2019, chị Nguyễn Thị Đ đến Công an xã Khánh T, huyện Yên Khánh trình báo. Đến 16 giờ cùng ngày, Trần Văn Y đến Công an tự thú toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Công an xã Khánh T, huyện Yên Khánh đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh để giải quyết theo thẩm quyền. Phạm Văn D và Phạm Văn D1 được triệu tập và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Làm việc với anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1989 (chủ cửa hàng laptop Minh D) có địa chỉ ở xóm 5B xã Lưu P, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, anh D2 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc máy tính xách tay mà Phạm Văn D1, Trần Văn Y mang đến bán. Chiếc xe mô tô mà Phạm Văn D1 sử dụng chở Y và D1 đi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 10/9/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Khánh kết luận, giá trị máy tính xách tay mà Trần Văn Y trộm cắp của chị Nguyễn Thị Đ vào ngày 01/8/2019 là 2.767.000 đồng.

Xử lý tài sản, vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Đ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu TOSHIBA.

Trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Anh Nguyễn Văn D2 đã được Trần Văn Y tự nguyện bồi thường số tiền 1.600.000 đồng, tiền bán máy tính xách tay, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSYK ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn Y và Phạm Văn D, Phạm Văn D1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử: Bị cáo Trần Văn Y về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Y phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Y.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1. Xử phạt:

- + Bị cáo Trần Văn Y mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- + Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 mỗi bị cáo với mức án từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Trần Văn Y , Phạm Văn D, Phạm Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã Khánh T là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành

hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Chị Nguyễn Thị Đ là người bị hại và là người đại diện hợp pháp của người bị hại và nhất trí về lời khai của các bị cáo về tài sản bị trộm cắp, gia đình đã nhận lại đầy đủ và anh Nguyễn Văn D2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bị cáo Y bồi thường số tiền 1.600.000 đồng, tại phiên tòa chị Đ và anh D2 vắng mặt, song lời khai đều không có yêu cầu bồi thường gì đối với các bị cáo, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều sửa chữa lỗi lầm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn Y, Phạm Văn D, Phạm Văn D1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 01/8/2019 Y đi qua và phát hiện thấy nhà chị Đ không có ai ở nhà, Y trèo qua tường đi vào nhà, thấy cửa không khóa, Y mở cửa đi vào trong buồng thấy có 01chiếc máy tính xách tay loại TOSHIBA đang sạc pin ở trên bàn, Y đến lấy chiếc máy tính rồi trèo tường mang ra ngoài. Khi ra đường thì Y gặp D và đến nói với D “có mỗi cái laptop thôi, bán rồi đi chơi”. D hiểu và biết là Y vừa trộm cắp được và đồng ý cùng Y mang đi tiêu thụ. Sau đó D điều khiển xe mô tô chở Y đi xuống huyện Kim Sơn để tìm nơi tiêu thụ. Khi xuống tới ngã ba Quy Hậu, huyện Kim Sơn, D dừng xe lại và bảo Y đứng chờ. D điều khiển xe mô tô quay về xã Khánh T, huyện Yên Khánh để đón và chở D1 xuống chỗ Y, trên đường đi, D nói với D1 việc Y vừa trộm được 01 cái máy tính xách tay, khi D gặp Y, thì cả ba đã bàn nhau mang máy tính xách tay do Y vừa trộm cắp được mang đi bán để lấy tiền tiêu xài.

Do chưa tìm được chỗ bán nên D1 mang chiếc máy tính cầm cố cho người bạn tên L chạy xe ôm tại ngã ba Quy Hậu, do D1 mới quen được số tiền 500.000 đồng

rồi Y, D và D1 đi về và chi tiêu hết số tiền này. Đến chiều ngày hôm sau Y và D1 đến lấy lại chiếc máy tính và mang đến cửa hàng, bán cho anh D2 chủ cửa hàng chiếc máy tính này được 1.600.000 đồng, sau đó Y và D1 đi về trả cho anh L 500.000 đồng, số tiền còn lại Y và D1 chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG, ngày 10/9/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Khánh kết luận, giá trị chiếc máy tính xách tay mà Y trộm cắp của chị Đ vào ngày 01/8/2019 là 2.767.000 đồng.

Nhận thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được trong quá trình điều tra và biên bản định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi trộm cắp chiếc máy tính xách tay của chị Đ có giá trị là 2.767.000 đồng của bị cáo Y đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo D và D1 đã biết rõ chiếc máy tính xách tay do Y trộm cắp mà có, song D và D1 đã đồng ý và thống nhất mang đi bán để lấy tiền sài cá nhân. Do vậy hành vi của D và D1 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy rằng hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi trộm cắp tài sản của Y và hành vi tiêu thụ tài sản của D và D1 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của gia đình chị Đ, được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nói chung và còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với tội tiêu thụ tài sản có hai bị cáo tham gia và đã bàn bạc cùng thống nhất tìm nơi tiêu thụ, do đó về trách nhiệm hình sự của hai bị cáo là ngang nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết nặng nề, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Y đã bỏ tiền để bồi thường cho người liên quan nên được hưởng tình tiết theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo D có bố bị tâm thần, bị cáo D1 có bố bị câm điếc bẩm sinh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Y có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo D hiện đang có hai tiền sự về cai nghiện bắt buộc và giáo dục tại xã, bị cáo D1 có một quyết định xử lý hành chính về sử dụng ma túy đã được xóa.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo D mẹ chết, bố bị tâm thần, hiện đang phải nuôi em nhỏ, còn bị cáo D1 mẹ bị tai biến nặng và bố bị cầm đầu bầm sinh, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập là phù hợp với tính chất hành vi của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, kinh tế của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra bị cáo Y đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.600.000 đồng cho anh Nguyễn Văn D2, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc máy tính cho gia đình chị Nguyễn Thị Đ, nay anh D2 và chị Đ không có yêu cầu gì về dân sự. Đối với số tiền mà Y đã bỏ ra để bồi thường, nay bị cáo xác định tự chịu và không yêu cầu bị cáo D, D1 phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) mà D sử dụng để đi tiêu thụ tài sản, xe này là của D, do D đã bán cho người không quen biết, không rõ địa chỉ ở đâu nên không thu hồi được.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Y phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”. Bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1 phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Y.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn D1.

Xử phạt:

+ Bị cáo Trần Văn Y 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Bị cáo Phạm Văn D và Phạm Văn D1 mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 5 % đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao các bị cáo Trần Văn Y, Phạm Văn D và Phạm Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn Y, Phạm Văn D và Phạm Văn D1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Các bị cáo; Người bị hại, Người CQLLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.